

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 240/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 23 – 6 – 2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sol

Ông Nguyễn Tấn Lộc

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc *“Tranh chấp ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bé B - Sinh năm 1988 (Có mặt).

Cư trú: ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1985 (Có mặt).

Cư trú: ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện bà Lê Thị Bé B (Nguyên đơn) trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 139/2013 ngày 13/12/2013. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do ông T không cùng bà lo cho các con và không quan tâm đến bà, dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà đã sống ly thân từ tháng 04 năm 2026 cho đến nay. Mặc dù bản thân và hai bên gia đình nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà xét thấy, hôn nhân giữa ông bà không có hạnh phúc, đời sống hôn nhân không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không còn tình cảm với ông T và không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân hiện tại. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 21/8/2014 và Nguyễn K T, sinh ngày 03/4/2018. Hiện nay, các con chung đang sống với bà B. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cho ông T nuôi con chung tên Nguyễn

Duy K, sinh ngày 21/8/2014 và Nguyễn K T sinh ngày 03/4/2018, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông xác định ông còn tình cảm với bà B nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B, ông yêu cầu được đoàn tụ để lo cho các con, ông xác định vợ chồng không có mâu thuẫn.

- Về con chung: ông thừa nhận ông và bà B có 02 con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 21/8/2014 và Nguyễn K T, sinh ngày 03/4/2018. Sau khi ly hôn ông đồng ý nuôi hai con Nguyễn Duy K, sinh ngày 21/8/2014 và Nguyễn K T, sinh ngày 03/4/2018, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy Bà B, ông T kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 12 năm 2013 tại UBND xã Thanh Phú. Do đó, hôn nhân của Bà B, ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa bà B trình bày giữa bà và ông T có mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T. Tại biên bản hòa giải ông T không đồng ý ly hôn với bà B, ông T cho rằng giữa ông và bà B có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn chưa trầm trọng, chỉ là cự cãi xúc phạm nhau trong gia đình, hiện nay ông vẫn còn yêu thương bà B và yêu cầu được đoàn tụ. Tuy nhiên bà B cương quyết xin ly hôn với ông T, do bà xác định giữa bà và ông T đã có mâu thuẫn, đã cự cãi, mâu thuẫn, xúc phạm nhau và đã sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2026. Bà B xác định gia đình hai bên bà và ông T đã tổ chức hàn gắn rất nhiều lần nhưng sau những lần hàn gắn này thì bà và ông T vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Bà B xác định không còn tình cảm đối với ông T, không thể duy trì đời sống hôn nhân được nên cho dù ông T có thiện chí hàn gắn thì quan hệ hôn nhân của ông bà cũng không thể có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời vào ngày 05/5/2026 sau khi mở phiên tòa hòa giải vụ án, Tòa án đã cho các đương sự cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc có hay không mâu thuẫn gia đình của ông bà và cũng nhằm mục đích cho ông T, bà B tự hòa giải, hàn gắn giữa ông bà. Tuy nhiên, trong thời gian trên thì ông bà cũng không thể tự hòa giải được mà vẫn tiếp tục cự cãi, mâu thuẫn lẫn nhau. Do đó Hội đồng xét xử xác định việc bà B, ông T có mâu thuẫn là thực tế có xảy ra. Tại phiên tòa hôm nay bà B một lần nữa tha thiết yêu cầu được ly hôn do nếu Tòa án tiến hành hàn gắn thì quan hệ hôn nhân của ông bà cũng không thể có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa bà B, ông T đã đến mức hết sức trầm trọng, không thể hòa giải hàn gắn được. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B, cho bà B được ly hôn với ông T là phù hợp.

Về con chung: Tại phiên tòa bà B và ông T thống nhất giao hai con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 21/8/2014 và Nguyễn K T, sinh ngày 03/4/2018 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con nên Hội

đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà B và ông T xác định về tài sản chung tự thỏa thuận, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà B, ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà B sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bé B.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Bé B được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 21/8/2014 và Nguyễn K T, sinh ngày 03/4/2018. Bà Lê Thị Bé B không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bé B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà B có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004839 ngày 21 – 4 – 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, sau khi đối trừ bà B nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bà Lê Thị Bé B và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 4 – tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Kiệt